



UBND Xã Cẩm Hoàng

Biểu số 110/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

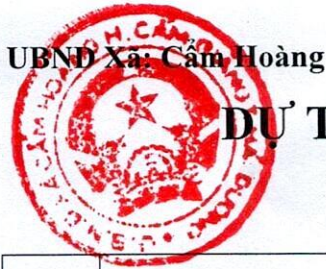
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	6.001.066		6.001.066
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế			
4	Chi văn hóa, thông tin	22.500		22.500
5	Chi phát thanh, truyền thanh	109.360		109.360
6	Chi thể dục, thể thao			
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế	26.000		26.000
	Hội người cao tuổi			
	Hội khuyến học			
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.800.608		4.800.608
10	Chi cho công tác xã hội	474.104		474.104
11	Chi khác	568.494		568.494
12	Dự phòng			

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.168.066	TỔNG SỐ CHI	5.526.962
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	136.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	319.400	II. Chi thường xuyên	5.526.962
III. Thu bổ sung	5.712.666	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.712.666		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Xã: Cẩm Hoàng

Biểu số 109/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu		6.168.066
I	Các khoản thu 100%		136.000
1	Phí, lệ phí		26.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		70.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác		40.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		319.400
1	Các khoản thu phân chia		67.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		35.000
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		12.000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		20.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		252.400
2.1	Thu tiền sử dụng đất		150.000
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng		64.000
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		38.400
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.712.666
1	Thu bổ sung cân đối		5.712.666
2	Thu bổ sung có mục tiêu		